

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 03-8-2023
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẠM TẤU, TỈNH YÊN BÁI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lên

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Vũ Đăng Quỳnh;
- Ông Trần Bình Trọng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Quang Hưng- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Huệ- Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái tiến hành xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 09/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2023 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Mùa Thị S, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Yên Bái; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Hà Thị Lê- Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Yên Bái, vắng mặt (đã gửi bản luận cứ của cho Tòa án);

2. Bị đơn: Anh Thào A D, sinh năm 1973.

Nơi cư trú: Thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Yên Bái.

Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Đội 12, phân trại số 1, Trại giam H; địa chỉ: Xã H, huyện T, tỉnh Yên Bái; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25-5-2023, biên bản lấy lời khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Mùa Thị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Thào A D đến với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng kết hôn vào ngày 15-11-2002 tại UBND xã Pá Lau, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng bố mẹ anh D tại thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Yên Bái. Đến năm 2003 vợ chồng ra ở riêng, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là anh D không yêu chị nên thường xuyên chửi bới vợ, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, nhưng vì các con nếu bố mẹ ly hôn thì các con sẽ khổ, nên chị đã cố gắng ở cùng anh D. Đến tháng 8 năm 2016 anh D bị bắt về hành vi mua bán trái phép chất ma túy và bị Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xử phạt 13 năm 06 tháng tù.

Hiện nay anh D đang chấp hành án tại Trại giam H, khi chị S đi thăm anh D, thì anh D nghi ngờ chị S có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác nên anh D nói khi nào anh chấp hành xong án phạt tù về, anh sẽ ly hôn chị nên giữa hai vợ chồng không có tiếng nói chung. Nay chị S xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái, giải quyết cho chị được ly hôn anh Thào A D.

Về con chung: Chị và anh Thào A D có 04 con chung là: Thào Thị S, sinh ngày 01-01-1993; Thào Thị M, sinh ngày 01-01-1996; Thào Thị B, sinh ngày 01-01-1998 và Thào Anh T, sinh ngày 03-02-2002. Hiện nay các con đều đã trưởng thành và lập gia đình riêng nên khi ly hôn chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh Thào A D tự thỏa thuận chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 22-6-2023 tại Trại giam Hồng C, bị đơn anh Thào A D đề nghị Tòa án lấy lời khai: Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu đã tiến hành lấy lời khai của anh Thào A D với sự chứng kiến của anh Ma Đức T- Cán bộ trại giam H và người phiên dịch tiếng Mông ông Hồ A S. Tại biên bản lấy lời khai Thào A D trình bày: Anh và chị Mùa Thị S đến với nhau trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương; sau đó anh và chị S đã đến UBND xã Pá Lau, huyện Trạm Tấu đăng ký kết hôn vào ngày 15 tháng 11 năm 2002. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 do anh phạm tội về ma túy phải đi chấp hành án phạt tù. Nay anh xác định vẫn còn tình cảm với chị Say đề nghị Toà án hoà giải cho vợ chồng về đoàn tụ.

- Về con chung: Anh và chị S có 04 con chung là Thào Thị S, sinh ngày 01-01-1993; Thào Thị M, sinh ngày 01-01-1996; Thào Thị B, sinh ngày 01-01-1998 và Thào Anh T, sinh ngày 03-02-2002. Hiện nay các con đều đã trưởng thành và lập gia đình riêng nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh D không nhất trí ly hôn nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Sau khi được lấy lời khai, anh Thào A D đã được nghe đọc lại toàn bộ nội dung đã trình bày, xác nhận là biên bản ghi đúng ý kiến của anh D; tuy nhiên anh Thào A D từ chối ký vào biên bản lấy lời khai và không có lý do. Tòa án đã lập biên bản về việc đương sự không ký để là căn cứ cho việc giải quyết vụ án.

Tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 22-6-2023, chị Mùa Thị S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị được ly hôn, anh Thào A D không nhất trí ly hôn. Về con chung và tài sản chung nguyên đơn và bị đơn cùng thống nhất không đề nghị Tòa án giải quyết. Tòa án đã lập biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và biên bản hòa giải, các đương sự đã được nghe đọc lại toàn bộ biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và biên bản hòa giải dưới sự chứng kiến của anh Ma Đức T- Cán bộ trại giam H và người phiên dịch tiếng Mông ông Hồ A S. Các đương sự xác nhận các nội dung trong hai biên bản trên là đúng ý kiến của mình. Tuy nhiên anh Thào A D từ chối ký nhận vào biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và biên bản hòa giải và không có lý do. Tòa án đã tiến hành lập biên bản về việc đương sự không ký để làm căn cứ cho việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Mùa Thị S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly anh Thào A D theo nội dung đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt anh D trình bày đã nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa; Hiện nay anh D đang phải chấp hành án không thể tham gia phiên tòa được, đề nghị được vắng mặt trong phiên tòa xét xử sơ thẩm của Tòa án, đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại bản luận cứ gửi cho Tòa án, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mùa Thị S. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên xử cho chị Mùa Thị S được ly hôn anh Thào A D; về án phí áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016 của UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Mùa Thị S.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng Tòa án thụ lý vụ án xác định đúng quan hệ pháp luật, đúng thẩm quyền. Thẩm phán thực hiện việc thu thập chứng cứ, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định về trình tự giải quyết vụ án dân sự, theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định của pháp luật thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ khi giải quyết vụ án. Bị đơn cơ bản đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51,

khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014: Về quan hệ hôn nhân chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Mùa Thị S, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị Mùa Thị S được ly hôn với anh Thào A D, về con chung: Chị S và anh Thào A D có 04 con chung là: Thào Thị S, sinh ngày 01-01-1993; Thào Thị M, sinh ngày 01-01-1996; Thào Thị B, sinh ngày 01-01-1998 và Thào Anh T, sinh ngày 03-02-2002. Hiện nay các con đều đã trưởng thành và lập gia đình riêng. Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết; về tài sản chung và nợ chung nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét đến; về án phí căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn chị Mùa Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

- Về thẩm quyền giải quyết: Anh Thào A D cư trú tại thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Yên Bái. Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về quan hệ pháp luật: Chị Mùa Thị S khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Thào A D. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Mùa Thị S và anh Thào A D kết hôn vào ngày 15-11-2002 tại UBND xã Pá Lau, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái. Việc kết hôn này tuân thủ đúng các quy định của Luật hôn nhân và gia đình, do đó đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

Qua lời trình bày của nguyên đơn sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là anh D không yêu chị S nên thường xuyên chửi bới vợ, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, nhưng vì các con, chị S nghĩ nếu ly hôn thì các con sẽ khổ, nên đã cố gắng ở cùng anh D. Đến tháng 8 năm 2016 anh D bị bắt về hành vi mua bán trái phép chất ma túy và bị Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xử phạt 13 năm 06 tháng tù. Hiện nay anh D đang chấp hành án tại Trại giam H, khi chị S đi thăm anh D, thì anh nghi ngờ chị S có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác nên anh D

nói khi nào anh chấp hành xong án phạt tù về, anh sẽ ly hôn chị nên giữa hai vợ chồng không có tiếng nói chung. Chị S xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Trầm Thủy, tỉnh Yên Bái, giải quyết cho chị được ly hôn anh Thào A D.

Tại phiên tòa hôm nay, chị S vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn theo nội dung đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”.

Xét thấy hôn nhân giữa chị S và anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử cho chị Mùa Thị S được ly hôn anh Thào A D là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] *Về con chung:*

Chị Mùa Thị S và anh Thào A D có 04 con chung là: Thào Thị S, sinh ngày 01-01-1993; Thào Thị M, sinh ngày 01-01-1996; Thào Thị B, sinh ngày 01-01-1998 và Thào Anh T, sinh ngày 03-02-2002. Hiện nay các con đều trên 18 tuổi và lập gia đình riêng nguyên đơn không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] *Về án phí và quyền kháng cáo:*

- Về án phí: Nguyên đơn không yêu cầu được miễn án phí và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng thuộc diện được miễn án phí. Do đó, nguyên đơn chị S phải án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn là không có căn cứ, nên không được chấp nhận.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn

nhân gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Mùa Thị S được ly hôn anh Thào A D.

2. Về án phí: Chị Mùa Thị S phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số AA/2021/0000640 ngày 25-5-2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái. Chị Mùa Thị S đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm, anh Thào A D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Trạm Tấu;
- THADS huyện Trạm Tấu;
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ vụ án, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Lên